TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUỆN **ST** **TỈNH KT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS- ST.
Ngày: 29/3/2023
"Tranh chấp đòi lại tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUỆN **ST-TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Đoàn Anh Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Bùi Tiến Thành và ông Nguyễn Đăng Sao.**

- *Thư ký phiên toà*: **Bà Mai Trần Quỳnh Nhi**- Thư ký Toà án nhân dân Huện ST.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huện ST, tỉnh KT tham gia phiên tòa:***Ông Phan Hà Thi** - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huện ST, tỉnh KT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 25/20212/TLST-DS ngày 20/4/2022, về việc "*Tranh chấp đòi lại tiền"* ; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-DS ngày 19/10/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-DS ngày 09/11/2022, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 68/2022/QĐST-DS ngày 07/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 06/01/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST ngày 06/02/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**Ông Trịnh Anh Hu, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn PQ1, xã VQ, thành phố KT, tỉnh KT. (có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S**.

Địa chỉ: Số nhà 08A đường TC, thôn 1 thị trấn ST, Huện ST, tỉnh KT. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Doãn Hi.

Địa chỉ: Tổ 2, phường NM, TP KT, tỉnh KT. (vắng mặt).

2. Ông Hoàng Văn N.

Địa chỉ: Số nhà 08A đường TC, thôn 1 thị trấn ST, Huện ST, tỉnh KT. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Anh Hu trình bày:

Ngày 15/11/2021, ông Nguyễn Doãn Hi có nói với tôi việc ông thế chấp cho bà **Nguyễn Thị S** ở Thôn 1, thị trấn ST, Huện ST, tỉnh KT 01 bìa đỏ với số tiền là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* nay lên lấy ra bán cho tôi. Khi tôi và ông Hi lên đến nhà bà Sâm thì ông Hi và bà Sâm có ra đằng sau nói cHuện khoảng 10 phút, sau đó ông Hi cùng bà Sâm đi lên và nói tôi cHuển tiền vào tài khoản của bà Sâm (số tài khoản 5105205001937 - Ngân hàng Nông ngHi và phát triển Nông thôn Việt Nam) số tiền là 100.000.000 đồng*(Một trăm triệu đồng)*. Sau khi đã cHuển tiền vào số tài khoản của bà Sâm thì bà Sâm vào phòng lấy bìa đỏ ra đưa cho tôi, lúc này tôi thấy có điều bất ổn ở bìa đỏ này nên tôi có đề nghị ông Hi, bà Sâm trả lại tôi số tiền mà tôi vừa cHuển vào tài khoản của bà Sâm nhưng bà Sâm không trả mà hẹn khi nào có tiền mới trả.

Nay, tôi đề nghị Tòa án buộc bà Sâm phải trả số tiền trên cho tôi còn việc bà Sâm muốn lấy lại số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* từ ông Hi thì bà Sâm có quyền khởi kiện ông Hi bằng một vụ án khác. Tôi chỉ yêu cầu bà **Nguyễn Thị S** trả lại số tiền trên và không yêu cầu tính lãi suất cho đến khi trả hết số tiền trên.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Nguyễn Thị S trình bày:

Tôi công nhận ngày 15/11/2021 anh Hu và anh Hi có đến nhà tôi, khi đến anh Hi có giới thiệu với chồng tôi Hu là người nhà của Hi, sau đó Hi vào nhà và đi xuống bếp nói với tôi về việc trả tiền và xin chuộc lại sổ đỏ. Tôi hỏi Hi tiền đâu đưa cô để cô lấy sổ đỏ cho, thì Hi nói không có tiền mặt rồi bảo tôi đọc số tài khoản của tôi, sau đó Hi nói với Hu là cHuển tiền cho tôi. Sau khi nhận được tiền xong tôi vào nhà lấy bìa đỏ mang ra giao tận tay cho Hi, sau đó tôi thấy Hi đưa sổ đỏ đó cho Hu và hai người ra xe về.

Tôi không biết Hu và cũng không vay mượn, mua bán gì với Hu. Đến chiều ngày 15/11/2021, Hu và một người bạn của Hu lên nhà tôi nói cô trả cho cháu 100.000.000 đồng*(Một trăm triệu đồng)*, cháu trả lại sổ đỏ cho cô chứ mua đất xa vợ cháu không đồng ý. Tôi nói tôi không liên quan gì trong vụ này, Hu và Hi mua bán hay làm gì tôi không biết nên có vấn đề gì thì đòi Hi. Do đó, tôi không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* cho anh Hu.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh** Nguyễn Doãn Hi*:

Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2022 và biên bản xác minh ngày 23/10/2022 của Công an phường NM, thành phố KT, tỉnh KT thể hiện: Anh Nguyễn Doãn Hi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 2, phường NM, thành phố KT, tỉnh KT. Nhưng thường xuyên không có mặt tại địa phương. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Doãn Hi đều vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ gì và cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 12 năm 2022 người làm chứng - ông *Hoàng Văn N* ***trình bày:***

Vào khoảng 09 giờ sáng (ông không nhớ ngày) tháng 11 năm 2021 anh Hi có đi cùng với một người đến nhà tôi thì anh Hi có trao đổi với vợ tôi về việc trả tiền mà trước đó chị Mai vợ anh Hi có mượn của vợ tôi. Sau đó, tôi thấy vợ tôi lấy sổ đỏ ra đưa cho anh Hi, anh Hi nhận và người đó đi về. Đến ngày hôm sau, thì người đi cùng anh Hi ngày hôm trước đến nhà tôi đòi lại số tiền mà hôm qua đã cHuển thay cho anh Hi nhưng vợ chồng tôi không chịu. Vì, vợ chồng tôi chỉ biết số tiền đó là do anh Hi trả.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huện ST phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX và thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng việc thụ lý vụ án về trình tự, thủ tục, thẩm quyền. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hoạt động giải quyết của Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên toà: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm xét xử: Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định pháp luật.

3. Quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Căn cứ khoản 3 điều 26, điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 116; điều 118, điều 166, điều 283 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX: bác toàn bộ đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp đòi lại tiền" đề ngày 20/4/2022 của anh Trịnh Anh Hu .

Về án phí: buộc anh Trịnh Anh Hu phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Anh Trịnh Anh Hu khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị S** trả cho anh Hu số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* theo chứng từ giao dịch: Số HĐ - Invoice No: 151121.5071.026048 ngày 15/11/2021. Tòa án thụ lý đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp đòi tiền*". Bà **Nguyễn Thị S** thường trú tại Thôn 1 thị trấn ST, Huện ST, tỉnh KT. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huện ST. Căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thể hiện: Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2022, ngày 23/10/2022 tại Công an phường NM, thành phố KT, tỉnh KT cho biết: Anh Nguyễn Doãn Hi có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 2, phường NM, thành phố KT, tỉnh KT, nhưng thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa. Anh Nguyễn Doãn Hi vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc do Tòa án triệu tập và anh Hi không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của anh Hu.

+ Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Doãn Hi, ông Hoàng Văn N, bị đơn bà Sâm vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2] Giao dịch giữa các bên được xác lập ngày 15/11/2021 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3]Về chứng cứ chứng minh:

Anh Trịnh Anh Hu cung cấp cho Tòa án 01 chứng từ giao dịch: Số HĐ - Invoice No: 151121.5071.026048 ngày 15/11/2021 thể hiện nội dung anh Trịnh

Anh Hu cHuển khoản từ số tài khoản 0761002337148 với số tiền là 100.016.500đ (một trăm triệu không trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng) sang số tài khoản 5105205001937 của bà **Nguyễn Thị S**. Tại bản tự khai ngày 30/5/2022 của bà **Nguyễn Thị S** và tại biên bản hòa giải ngày 06/9/2022 bà Sâm đều thừa nhận ngày 15/11/2021 anh Trịnh Anh Hu có cHuển vào tài khoản của bà là 5105205001937 với số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xác định là chứng cứ để chứng minh trong vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

Ngày 03/7/2013, bà Phạm Thị Mai có vay của bà **Nguyễn Thị S** số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu). Để đảm bảo cho khoản vay anh Hi, chị Mai có đưa cho bà Sâm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 360172 đứng tên hộ ông Nguyễn Doãn Hi và bà Phạm Thị Mai do Ủy ban nhân dân Huện ST, tỉnh KT cấp ngày 05/5/2009, thửa đất tại thôn 1, thị trấn ST do đó xác định giữa bà **Nguyễn Thị S** và vợ chồng ông Nguyễn Doãn Hi và bà Phạm Thị Mai tồn tại một hợp đồng vay tài sản.

Ngày 15/11/2021, anh Nguyễn Doãn Hi có nói với anh Trịnh Anh Hu rằng anh có 01 thửa đất đang thế chấp cho bà **Nguyễn Thị S** với số tiền khoảng 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) thì anh Hu đồng ý trả tiền cho bà Sâm và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó anh Hi dẫn anh Hu đi xem mảnh đất rồi sau đó đến nhà bà Sâm, anh Hu trực tiếp cHuển tiền vào tài khoản của bà Sâm số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu) và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh Hi, chị Mai từ bà Sâm rồi cùng anh Hi đi về. Như vậy giữa anh Hi và anh Hu đã xác lập một hợp đồng cHuển nhượng quyền sử dụng đất và bà Sâm không biết việc mua bán đất giữa anh Hu và anh Hi, việc anh Hu cHuển tiền và nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều thông qua anh Hi chứ giữa anh Hu và bà Sâm không có sự thỏa thuận nào. Anh Hi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Sâm thông qua người thứ ba và thỏa thuận không trái đạo đức xã hội và pháp luật, được bà Sâm đồng ý (theo quy định tại điều 283 BLDS), các bên cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình nên các giao dịch trên là có giá trị pháp lý.

Tuy nhiên, đến chiều ngày 15/11/2021 anh Hu và anh Hi đến phòng công chứng để xác lập hợp đồng thì phát hiện trên giấy chứng nhận vẫn còn ghi thế chấp tại Ngân hàng nên anh Hu và anh Hi cùng đến ngân hàng để xác nhận thông tin. Sau đó, anh Hu không đồng ý mua nữa nên anh Hu đến nhà bà Sâm yêu cầu bà Sâm trả lại số tiền đã cHuển và anh Hu trả lại Quyền sử dụng đất vừa nhận. Tuy nhiên bà Sâm không đồng ý trả vì cho rằng đây là tiền nợ do anh Hi trả và không liên quan gì đến anh Hu.

Tại các biên bản ghi lời khai của Công an Huện ST giữa anh Hu và anh Hi mà Tòa án thu thập được, anh Hi và anh Hu khai nhận: có sự việc thỏa thuận mua

đất giữa anh Hi và anh Hu, anh Hu cũng đồng ý cHuển cho bà Sâm số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu) và anh Hu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục sang tên nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa xóa thế chấp nên không cHuển nhượng được, anh Hi cũng đồng ý trả tiền lại cho anh Hu nhưng vì chưa có tiền nên không thể trả được.

Xét việc anh Hu không đồng ý mua mảnh đất số 14C, tờ bản đồ số 35, vị trí thửa đất tại thôn 1, thị trấn ST, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 360172 đứng tên hộ ông Nguyễn Doãn Hi và bà Phạm Thị Mai do Ủy ban nhân dân Huện ST, tỉnh KT cấp ngày 05/5/2009 thì anh Hu có quyền khởi kiện yêu cầu hủy giao dịch giữa anh Hu với anh Hi và yêu cầu anh Hi trả lại số tiền mà anh đã tự nguyện trả thay anh Hi cho bà Sâm.

Việc anh Hu cHuển khoản từ số tài khoản 0761002337148 với số tiền là 100.000.000,00đ (một trăm triệu) sang số tài khoản 5105205001937 của bà **Nguyễn Thị S** theo chứng từ giao dịch: Số HĐ - Invoice No: 151121.5071.026048 ngày 15/11/2021 đây là việc anh Hu tự nguyện thực hiện thay nghĩa vụ của anh Hi để đảm bảo cho hợp đồng cHuển nhượng quyền sử dụng đất. Vì vậy không thể chấp nhận đây là chứng cứ yêu cầu bà Sâm trả lại cho anh Hu số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu) mà anh Hu đã cHuển cho bà Sâm vào số tài khoản của bà là 5105205001937 ngày 15/11/2021.

Từ những nhận định trên thấy yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Anh Hu khởi kiện yêu cầu buộc **Nguyễn Thị S** trả lại cho anh Hu số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu) là không có căn cứ, cần bác toàn bộ đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp đòi lại tiền" đề ngày 20/4/2022 của anh Trịnh Anh Hu.

[5] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên Nguyên đơn là anh Trịnh Anh Hu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 NQ số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 116; điều 118, điều 166,điều 283 Bộ luật Dân sự 2015;

Tuyên Xử: Bác toàn bộ đơn khởi kiện về việc "*Tranh chấp đòi lại tiền*" đề ngày 20/4/2022 của anh Trịnh Anh Hu.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Trịnh Anh Hu phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **5.000.000** đồng *(Năm triệu)*, được trừ đi số tiền 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004078 ngày 20/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huện ST, tỉnh KT. Anh Hu còn phải nộp 2.500.000 đồng *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/03/2023), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà, thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KT;
- VKSND Huện;
- Chi cục THADS Huện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Đoàn Anh Phương